

Số: 1179 /VKSTC-V14
V/v giải đáp khó khăn, vướng mắc,
kiến nghị, đề xuất của các đơn vị,
VKS các cấp trong năm 2023

Hà Nội, ngày 01 tháng 4 năm 2024

Kính gửi:

- Viện kiểm sát quân sự trung ương;
- Các đơn vị thuộc VKSND tối cao;
- VKSND cấp cao 1, 2, 3;
- VKSND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Thực hiện chỉ đạo của Lãnh đạo Viện kiểm sát nhân dân (VKSND) tối cao về tham mưu giải đáp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, Viện kiểm sát (VKS) các cấp trong năm 2023, Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học VKSND tối cao (Vụ 14) giải đáp một số nội dung liên quan đến trách nhiệm của Vụ 14 như sau:

I. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT LIÊN QUAN ĐẾN HÌNH SỰ, TỔ TỤNG HÌNH SỰ

1. Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất Vụ 14 ghi nhận đề tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét sửa đổi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) (BLHS), Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân (TAND) tối cao...)

1.1. Quá trình giải quyết vụ án, vụ việc liên quan các tội danh “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn khi thi hành công vụ*” và “*Lạm quyền trong khi thi hành công vụ*” quy định tại Điều 356, Điều 357 BLHS, do chưa có văn bản hướng dẫn về việc xác định tình tiết “*thiệt hại khác*” là gồm những thiệt hại gì, nên có nhiều quan điểm khác nhau, chưa thống nhất áp dụng pháp luật giữa các cơ quan tiến hành tố tụng trong việc xác định tình tiết “*gây thiệt hại khác đến lợi ích của Nhà nước, quyền lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân*” (VKSND tỉnh An Giang)

Trả lời:

Vụ 14 ghi nhận vấn đề này để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo VKSND tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao bổ sung hướng dẫn. Trước mắt, có thể tham khảo quy định khoản 9 Điều 3 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS trong xét xử tội phạm tham nhũng và tội phạm khác về chức vụ hướng dẫn về thiệt hại khác quy định tại các điều 353, 354, 355 và 358 BLHS, theo đó, “*thiệt hại khác*” là thiệt hại thực tế xảy ra, có mối quan hệ nhân quả với hành vi phạm tội và là những thiệt hại không phải là thiệt hại về tài sản đã được quy định trong các điều nêu trên của BLHS.



1.2. BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có hiệu lực từ 01/01/2018, tuy nhiên các văn bản hướng dẫn luật vẫn chưa đồng bộ. Một số Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao; Thông tư liên tịch hướng dẫn thi hành BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) đã hết hiệu lực nhưng đến nay chưa có văn bản hướng dẫn thay thế; một số vấn đề còn có hướng dẫn giải đáp chưa cụ thể, chông chéo gây khó khăn cho các đơn vị khi thực hiện nhiệm vụ (ví dụ: tội phạm liên quan đến hành vi đánh bạc và tổ chức đánh bạc; tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan và tổ chức, tội sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông để chiếm đoạt tài sản và tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản,...) (Vụ 2, Vụ 7; VCI; VKSND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Yên Bái, Lạng Sơn, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Thanh Hóa, Kon Tum, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang,...)

Trả lời:

- Về vấn đề này, VKSND tối cao đã có văn bản gửi TAND tối cao đề nghị sớm ban hành văn bản thay thế các văn bản hướng dẫn thi hành BLHS đã hết hiệu lực. Hiện nay, TAND tối cao cũng đang xây dựng một số dự thảo nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn liên quan như: Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định tại Điều 313 BLHS; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về các tội phạm ma túy; Nghị quyết hướng dẫn áp dụng 1 số quy định tại Điều 347, Điều 348, Điều 349 và Điều 350 BLHS...

Trước mắt, các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng tại địa phương cần chủ động phối hợp trao đổi, thống nhất quan điểm để xử lý, giải quyết các vụ án liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); đồng thời, có thể tham khảo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật không trái với quy định của BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- VKSND tối cao đang tiến hành xây dựng Báo cáo đánh giá thực tiễn 05 năm thi hành BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) trong ngành KSND, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị, đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền xem xét việc sửa đổi, bổ sung BLHS hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn chi tiết BLHS. Do vậy, đề nghị VKS các địa phương tiếp tục phản ánh những khó khăn, vướng mắc trong nhận thức, áp dụng pháp luật hình sự để VKSND tối cao tiếp tục tổng hợp chung trong quá trình xây dựng Báo cáo.

1.3. Đối với tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” quy định tại Điều 255 BLHS: điểm a tiết 6.3 mục 6 phần II Thông tư liên tịch số 17/2007/TTLT-BCA-VKSTC-TANDTC-BTP ngày 24/12/2007 quy định “*người nghiện ma túy có chất ma túy (không phân biệt nguồn gốc ma túy do đâu mà có) cho người nghiện ma túy khác chất ma túy để cùng sử dụng trái phép thì không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy mà tùy từng trường hợp có thể bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy hoặc tội Sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tại Thông tư liên tịch số 08/2015/TTLT-BCA-VKSNDTC-TANDTC-BTP thì chỉ bãi bỏ các hướng dẫn tại điểm đ tiết 3.7 mục 3 phần II; điểm b tiết 7.3 mục 7 phần II và Mục 8 Thông tư liên tịch số 17. Nghĩa là mục 6

phần II Thông tư liên tịch số 17 vẫn có hiệu lực thi hành. Tuy nhiên, tại Công văn số 89/TANDTC-PC ngày 18/5/2020 và Công văn số 02/TANDTC-PC ngày 02/8/2021 hướng dẫn “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy được hiểu là thực hiện một trong các hành vi bố trí, sắp xếp, điều hành con người, phương tiện; cung cấp ma túy, địa điểm, phương tiện, dụng cụ... để thực hiện việc sử dụng trái phép chất ma túy*”. Tuy nhiên, thực tiễn phát sinh nhiều vướng mắc, như:

- Về việc áp dụng tình tiết “*đối với 02 người trở lên*” trong trường hợp các đối tượng cùng nhau góp tiền, phân công đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy... về cùng sử dụng, hiện nay, các văn bản hướng dẫn của TAND tối cao và VKSND tối cao có nhiều nội dung chưa thống nhất về đường lối giải quyết, cụ thể:

+ Tại Công văn số 1797/VKSTC-V14 ngày 25/5/2022 của VKSND tối cao hướng dẫn áp dụng tình tiết “*đối với 02 người trở lên*” trường hợp trong 01 lần thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội tổ chức cho 02 người trở lên sử dụng trái phép chất ma túy mà 02 người này phải không có hành vi đồng phạm với người phạm tội và không bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”.

+ Tại Công văn số 279/ TANDTC-V1 ngày 09/12/2022 của TAND tối cao, Công văn số 20/VKSTC-V4 ngày 04/01/2023 của VKSND tối cao, hướng dẫn áp dụng tình tiết “*đối với 02 người trở lên*” trường hợp trong 01 lần thực hiện hành vi phạm tội, người phạm tội tổ chức cho 02 người trở lên sử dụng trái phép chất ma túy mà 02 người này (không bao gồm người phạm tội) có thể là không phạm tội hoặc đồng phạm về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

- Việc xem xét xử lý đối với lượng ma túy còn lại thu giữ được trong các vụ án “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”: Thực tiễn, địa phương vận dụng giải đáp tại Công văn số 1149/VKSTC-V4 ngày 07/4/2022 và Văn bản số 1723/VKSTC-V4 ngày 09/5/2023 của VKSND tối cao để xử lý hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy đối với trường hợp lượng ma túy còn lại thu giữ được đủ lượng để cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 BLHS và xác định được nguồn gốc số ma túy nói trên là của ai. Tuy nhiên, do chưa có văn bản hướng dẫn cụ thể, nên tại một số địa phương có quan điểm không xử lý hành vi “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” mà thu hút về tội “*Tổ chức trái phép chất ma túy*”.

- Xử lý vật chứng trong vụ án ma túy: Trong các vụ án về ma túy, các bị cáo thường sử dụng xe mô tô, xe máy làm phương tiện phạm tội (dùng để mua, bán hoặc vận chuyển ma túy). Trong nhiều trường hợp, những phương tiện này không phải thuộc quyền sở hữu của bị cáo mà do các bị cáo mượn của người thân, bạn bè để sử dụng; những người này đều không biết các bị cáo sử dụng xe của mình để thực hiện hành vi phạm tội. Hiện nay, việc xử lý vật chứng của Tòa án đối với những phương tiện nói trên là chưa thống nhất. Thực tế xét xử, có trường hợp Thẩm phán lại tuyên trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp; nhưng cũng có trường hợp Thẩm phán tuyên tịch thu, nộp ngân sách nhà nước, nếu phát sinh tranh chấp giữa người có quyền lợi và

nghĩa vụ liên quan và bị cáo thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khi có yêu cầu. Nhận thấy, việc tịch thu sung công đối với những tài sản nói trên là không đảm bảo, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền và nghĩa vụ liên quan (VKSND các tỉnh: Hòa Bình, Bắc Giang, Bình Định, Kon Tum, Bà Rịa - Vũng Tàu)

Trả lời:

Hiện nay, VKSND tối cao đang phối hợp với TAND tối cao xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về các tội phạm ma túy. Do vậy, đối với các vấn đề như: định tội đối với người nghiện ma túy; về nhận thức áp dụng tình tiết “*đối với 02 người trở lên*”; việc giải quyết đối với trường hợp các đối tượng cùng nhau góp tiền, phân công đi mua ma túy, chuẩn bị công cụ sử dụng ma túy... về cùng sử dụng, Vụ 14 sẽ tổng hợp, đề nghị TAND tối cao trong quá trình nghiên cứu, góp ý đối với dự thảo Nghị quyết này để áp dụng pháp luật thống nhất.

1.4. Điều 318 BLHS quy định tội Gây rối trật tự công cộng với tình tiết định tội là “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, đây cũng là tình tiết định khung cơ bản, khung tăng nặng của một số loại tội phạm được quy định tại BLHS. Tuy nhiên, hiện chưa có văn bản hướng dẫn như thế nào là “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*”, do đó gây khó khăn cho các cơ quan tiến hành tố tụng trong áp dụng thống nhất đường lối xử lý (VKSND các tỉnh: Quảng Bình, Kon Tum, Bình Thuận)

Trả lời:

Hiện nay, các cơ quan có thẩm quyền chưa có hướng dẫn cụ thể về tình tiết “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” tại khoản 1 Điều 318 BLHS¹. Vụ 14 ghi nhận, tổng hợp và đề nghị Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn.

Tuy nhiên, các địa phương có thể tham khảo ý kiến của Vụ 14 tại cuốn sách “*Giải đáp vướng mắc về pháp luật và giải quyết các vụ án, vụ việc về tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy*” do Văn phòng, Vụ 14 phối hợp xuất bản tại Nhà xuất bản Tư pháp năm 2019 (câu số 39 Phần I.1) trả lời về tình tiết “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 168, điểm h khoản 2 Điều 169, điểm đ khoản 2 Điều 170, điểm h khoản 2 Điều 171, điểm c khoản 1 Điều 172, điểm c khoản 1 Điều 173, điểm c khoản 1 Điều 174, điểm e khoản 2 Điều 175, điểm c khoản 1 Điều 178 BLHS; Công văn số 1120/VKSTC-V14 ngày 28/3/2023 tổng hợp, giải đáp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, VKS các cấp trong 03 năm (năm 2020 - 2022); khoản 4 Điều 4 Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐTP ngày 30/12/2020 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn tình tiết “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” quy định tại khoản 3 các điều 353, 355 của BLHS để thống nhất liên ngành tố tụng giải quyết các vụ án theo quy định.

¹ Vụ 14 đã tham mưu giúp Lãnh đạo VKSND tối cao ban hành Công văn số 3652/VKSTC-V14 ngày 29/8/2018 đề nghị TAND tối cao hướng dẫn những quy định của BLHS còn chưa cụ thể, chưa rõ ràng, trong đó có tình tiết “*gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội*” tại khoản 1 Điều 318 BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); tuy nhiên đến nay, TAND tối cao vẫn chưa ban hành văn bản nào để hướng dẫn về vấn đề này.

1.5. Khó khăn trong xem xét, áp dụng các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS; “*phạm tội đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ có thai hoặc người đủ 70 tuổi trở lên*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 BLHS; tình tiết “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “*phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn*” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 BLHS; “*phạm tội do lạc hậu*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS,... do hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể (VKSND các tỉnh: Cao Bằng, Sơn La, Hưng Yên, Hà Nam, Quảng Ninh)

Trả lời:

Các tình tiết nêu trên chưa được Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn cụ thể hoặc chưa được sửa đổi, bổ sung, thay thế. Tuy nhiên, trong thời gian chưa có hướng dẫn của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao thì các đơn vị có thể nghiên cứu, tham khảo:

(1) Về tình tiết “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 52 BLHS, có thể tham khảo, vận dụng hướng dẫn tại mục 5.1 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/2006 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao để phối hợp xử lý vì hiện còn phù hợp với thực tiễn. Cụ thể: “*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” là trường hợp người phạm tội: (i) cố ý thực hiện tội phạm từ 05 lần trở lên về cùng một tội phạm không phân biệt đã bị truy cứu trách nhiệm hình sự hay chưa bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa được xóa án tích và (ii) lấy các lần phạm tội làm nghề sinh sống và lấy kết quả của việc phạm tội làm nguồn sống chính.

(2) Về tình tiết “*phạm tội do lạc hậu*” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 BLHS, trước mắt, có thể tham khảo Sổ tay Thẩm phán của TAND tối cao, theo đó:

+ “*Lạc hậu*” là không theo kịp đà tiến bộ, đà phát triển chung.

+ Chỉ áp dụng tình tiết “*phạm tội do lạc hậu*” nếu lạc hậu đó là do nguyên nhân khách quan đưa lại, như do đời sống xã hội nên không hiểu biết hoặc kém hiểu biết về pháp luật, không được học tập, không có điều kiện thực tế để nhận biết các đúng, sai trong cuộc sống...

(3) Về tình tiết “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm i khoản 1 Điều 134 BLHS, có thể tham khảo hướng dẫn tại cuốn sách “*Giải đáp vướng mắc về pháp luật và giải quyết các vụ án, vụ việc về tội phạm, vi phạm pháp luật về ma túy*” do Văn phòng và Vụ 14 phối hợp xuất bản tại Nhà xuất bản Tư pháp xuất bản năm 2019, theo đó: “*phạm tội có tính chất côn đồ*” là trường hợp người phạm tội thể hiện sự hung hãn, manh động, bất chấp lý do, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác. Ví dụ: chỉ vì va chạm, mâu thuẫn nhỏ trong cuộc sống mà người phạm tội đã sử dụng vũ lực tước bỏ hoặc xâm phạm đến tính mạng hoặc sức khỏe của người khác.

1.6. Trong giai đoạn giải quyết nguồn tin về tội phạm chưa có quy định các cơ quan có thẩm quyền được tiến hành các hoạt động thực nghiệm điều tra, nhận dạng, nhận biết giọng nói, đối chất. Trong khi đó có những tố giác,

tin báo về tội phạm nếu không tiến hành các hoạt động này thì không đủ căn cứ để xác định có dấu hiệu tội phạm hay không nên gặp nhiều khó khăn khi đánh giá chứng cứ (*Thanh tra VKSND tối cao, VKSND tỉnh Bắc Kạn*)

Trả lời:

Hiện nay, VKSND tối cao đang triển khai việc xây dựng Báo cáo nghiên cứu, rà soát và sơ kết thực tiễn 05 năm thi hành BLTTHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2021) theo Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội (UBTVQH) triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Đối với khó khăn, vướng mắc nêu trên, VKSND tối cao sẽ tổng hợp nghiên cứu, đề xuất tại Báo cáo này, gửi cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Liên quan đến nội dung này, VKSND tối cao đã có hướng dẫn tại mục II.10 Công văn số 5442/VKSTC-V14 ngày 30/11/2020 về việc giải đáp một số khó khăn, vướng mắc liên quan đến quy định của BLHS, BLTTHS năm 2015 và thi hành án hình sự, theo đó:

“Khoản 3 Điều 147 BLTTHS năm 2015 quy định:

“3. Khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền có quyền tiến hành các hoạt động:

a) Thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin;

b) Khám nghiệm hiện trường;

c) Khám nghiệm tử thi;

d) Trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản”.

Như vậy, ngoài 04 hoạt động cụ thể (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản) thì khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền có quyền tiến hành các hoạt động khác để kiểm tra, xác minh theo điểm a khoản 3 Điều 147 nêu trên.

Ngoài ra, theo quy định tại điểm d khoản 3 Điều 83 BLTTHS năm 2015 thì: *“Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố có quyền: d) Có mặt khi đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố”.*

Theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Thông tư số 28/2020/TT-BCA ngày 26/3/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định trình tự, thủ tục tiếp nhận, phân loại, xử lý, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của lực lượng Công an nhân dân thì: *“Khi thực hiện việc thu thập thông tin, tài liệu, đồ vật từ cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để kiểm tra, xác minh nguồn tin về tội phạm được quy định tại khoản 3 Điều 147BLTTHS được thực hiện cụ thể như sau:2. Tiến hành đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và các hoạt động khác thuộc thẩm quyền của Cơ quan điều tra theo sự phân công của Thủ trưởng Cơ quan điều tra. Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân thực hiện các nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của mình theo sự phân công của Cấp trưởng cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số*

hoạt động điều tra (trừ biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt quy định tại Chương XVI BLTTHS năm 2015)”.
 Trước đây, theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 10 Thông tư liên tịch số 06/2013/TTLT-BCA-BQP-BTC-BNN&PTNT-VKSNDTC ngày 02/8/2013 hướng dẫn thi hành quy định của BLTTHS về tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố thì **Điều tra viên được phân công giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm hoặc kiến nghị khởi tố có nhiệm vụ và quyền hạn tiến hành khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng.**

Do vậy, mặc dù không được quy định cụ thể tại Điều 147 BLTTHS năm 2015 nhưng khi giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố, cơ quan có thẩm quyền có thể tiến hành hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói theo các văn bản hướng dẫn nêu trên với tính chất là những biện pháp để kiểm tra, xác minh tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố, không coi đây là những biện pháp điều tra được quy định và áp dụng trong giai đoạn điều tra.

1.7. Về quản lý vật chứng trong quá trình giải quyết các vụ án liên quan đến vũ khí quân dụng: Thông qua việc giải quyết các vụ án “**Chế tạo, tàng trữ, sử dụng, mua bán trái phép vũ khí quân dụng**”, thông thường vật chứng của vụ án là súng tự chế, thuộc vũ khí quân dụng. Tuy nhiên, khi nhập kho vật chứng thì Phòng Cảnh sát Thi hành án hình sự và Hỗ trợ tư pháp Công an tỉnh từ chối nhận vì vật chứng không nằm trong danh mục các vật chứng được nhập kho và việc nhập kho vật chứng này có thể gây nguy hiểm; khi chuyển sang nhập kho tại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh cũng bị từ chối vì vật chứng không nằm trong danh mục được nhập kho vật chứng của Quân đội theo quy định tại Thông tư số 131/2014/TT-BQP ngày 01/10/2014 của Bộ Quốc Phòng (VKSND các tỉnh: Hòa Bình, Bắc Giang, Đắk Nông)

Trả lời:

Điểm đ khoản 1 Điều 90 BLTTHS quy định: “**Vật chứng đưa về cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng bảo quản thì cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn điều tra, truy tố; cơ quan thi hành án dân sự có trách nhiệm bảo quản vật chứng trong giai đoạn xét xử và thi hành án**”. Do vậy, các cơ quan tiến hành tố tụng cần chủ động trao đổi, phối hợp với các cơ quan liên quan xác định trách nhiệm bảo quản vật chứng để bảo đảm cho việc quản lý vật chứng và giải quyết vụ án. Vụ 14 cũng sẽ ghi nhận vấn đề này để đề kiến nghị có quy định phù hợp.

2. Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất đã được luật, thông tư liên tịch, Công văn giải đáp khó khăn, vướng mắc của VKSND tối cao, các văn bản khác hướng dẫn rõ

2.1. Tại khoản 2 Điều 127 BLTTHS năm 2015:

- Quá trình giải quyết nguồn tin về tội phạm, nhiều trường hợp mời, triệu tập nhưng người bị tố giác không đến, không làm việc với Điều tra viên, trong khi đó theo điểm c khoản 2 Điều 127 BLTTHS, chỉ khi khởi tố vụ án thì mới được thực hiện biện pháp dẫn giải.

- Bị hại trong các vụ án xâm phạm về nhân thân, vì các lý do khác nhau mà họ đã từ chối giám định tỷ lệ thương tích. Để có căn cứ giải quyết

vụ việc, cơ quan tiến hành tố tụng phải ra quyết định dẫn giải bị hại. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện còn gặp phải những khó khăn như: Việc từ chối giám định là quyền của bị hại; nhiều trường hợp mời, triệu tập nhưng người bị tố giác không đến. Trường hợp họ từ chối giám định, người bị tố giác không đến mà vẫn dùng biện pháp bắt buộc dẫn giải họ thì có vi phạm quyền công dân không? Trường hợp VKS ra Quyết định dẫn giải thì sẽ phải thực hiện việc dẫn giải đó như thế nào? (Cục 1, VKSND các tỉnh: Bắc Kạn, Hưng Yên, Quảng Ngãi, Lâm Đồng, Bà Rịa – Vũng Tàu)

Trả lời:

- Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 127 BLTTHS thì dẫn giải có thể áp dụng đối với “*người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố mà qua kiểm tra, xác minh có đủ căn cứ xác định người đó liên quan đến hành vi phạm tội được khởi tố vụ án, đã được triệu tập mà vẫn vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan*”. Quy định này nhằm bảo đảm tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, do đó, phải đáp ứng các điều kiện nêu trên mới được dẫn giải người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố.

- Đã trả lời tại câu số 4 và câu số 17 phần tố tụng hình sự Tài liệu giải đáp về những khó khăn, vướng mắc trong công tác thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử hình sự của VKSND tối cao năm 2020. Theo đó:

+ Theo quy định tại điểm 1 khoản 1 Điều 4 và Điều 127 BLTTHS thì: dẫn giải có thể áp dụng với người bị hại trong trường hợp họ từ chối việc giám định theo quyết định trung cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng mà không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan. Đồng thời, khoản 4 Điều 62 BLTTHS cũng quy định rõ bị hại có nghĩa vụ: có mặt theo giấy triệu tập của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp cố ý vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan thì có thể bị dẫn giải; chấp hành quyết định, yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do vậy, việc áp dụng biện pháp dẫn giải với bị hại trong trường hợp bị hại từ chối giám định nêu trên là không vi phạm quyền công dân.

+ Khoản 5 Điều 127 BLTTHS quy định: Cơ quan Công an nhân dân, Quân đội nhân dân có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định áp giải, dẫn giải.

- Đề nghị VKS địa phương tham khảo thêm Thông tư số 47/2020/TT-BCA ngày 15/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định thực hiện nhiệm vụ bắt, áp giải, dẫn giải của lực lượng làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp trong Công an nhân dân.

2.2. Khó khăn trong công tác giám định, định giá: Giám định về quy trình đấu thầu, thẩm định giá và việc xác định thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật; giám định trong lĩnh vực tài chính (kế toán, kiểm toán), tài nguyên (cát, than, quặng), đất, xây dựng cầu đường, thuốc lá điều do nước ngoài sản xuất, động vật và các sản phẩm từ động vật; giám định kỹ thuật hình sự chưa triển khai thực hiện như: giám định về âm thanh, giám định hình ảnh, giám định kỹ thuật số - điện tử; giám định pháo nổ, vật liệu nổ, kim loại vàng, bạc...; giám định, định giá một số mặt hàng đặc thù như: hàng hóa do nước ngoài sản xuất như vật tư, thiết bị y tế; sản phẩm từ động vật hoang dã (xương, ngà) (VKSND tỉnh Quảng Ninh)

Trả lời:

- Hiện liên ngành Trung ương (Bộ Công an chủ trì) đang xây dựng dự thảo Thông tư liên tịch quy định quan hệ phối hợp và trách nhiệm trong hoạt động trung cầu giám định tư pháp về hình sự. Ngày 31/01/2024, Bộ Công an cũng đã chủ trì, phối hợp với VKSND tối cao ban hành Hướng dẫn số 02/HDLN-BCA-VKSNDTC về phối hợp thực hiện thủ tục trung cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản của các cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra của Công an nhân dân. Do vậy, sẽ giải quyết được một số khó khăn, vướng mắc trong công tác giám định xảy ra trên thực tiễn.

- Theo quy định tại Điều 41 Luật Giám định tư pháp thì bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp có nhiệm vụ, quyền hạn ban hành quy trình giám định; ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp; căn cứ yêu cầu và tính chất đặc thù của lĩnh vực thuộc thẩm quyền quản lý quy định cụ thể về thời hạn đối với từng loại việc giám định. Như vậy, đối với từng lĩnh vực cụ thể sẽ có những quy trình, quy chuẩn giám định nhất định và thuộc trách nhiệm ban hành của bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp. Thời gian qua, các bộ, ngành đã ban hành một số văn bản quy định về quy trình giám định để quy chuẩn công tác này trong một số lĩnh vực quản lý nhà nước², do vậy, đề nghị nghiên cứu.

2.3. Phối hợp liên ngành tư pháp Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn với những quy định còn bất cập và chưa cụ thể, bảo đảm áp dụng thống nhất, như: Trong việc áp dụng các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ; áp dụng pháp luật giữa tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” với “*Sử dụng trái phép chất ma túy*”, tội “*Hiếp dâm người dưới 16 tuổi*” với “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”; tội “*Giết người*” với “*Giết người trong trạng thái tinh thần bị kích động mạnh*”; tội “*Giết người*” và “*Đe dọa giết người*”; tội “*Trộm cắp tài sản*” với “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; tội “*Cố ý gây thương tích dẫn đến hậu quả chết người*” với “*Giết người*”;... và trong áp dụng các án lệ của Tòa án như Án lệ 17 về tình tiết “*Có tính chất côn đồ*”, Án lệ 57 về áp dụng tình tiết “*Phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*” và “*Phạm tội 02 lần trở lên*”; hướng dẫn về quy trình, thủ tục quản lý, xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ; về xử lý đối với các

² Như: Thông tư số 20/2022/TT-BNNPTNT ngày 22/12/2022 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; Thông tư số 13/2022/TT-BCA ngày 30/11/2022 ban hành Quy trình, biểu mẫu giám định pháp y, thời hạn, nhân lực thực hiện giám định pháp y; Thông tư số 23/2022/TT-BLĐTĐ ngày 25/11/2022 quy định về giám định tư pháp theo vụ việc trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; Thông tư số 40/2022/TT-BTC ngày 29/6/2022 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tài chính; Thông tư số 03/2022/TT-BKHCN ngày 20/4/2022 quy định về giám định tư pháp trong hoạt động khoa học và công nghệ; Thông tư số 01/2022/TT-BCA ngày 01/01/2022 ban hành 17 quy trình giám định kỹ thuật hình sự; Thông tư số 04/2021/TT-BVHTTDL ngày 08/6/2021 quy định một số nội dung về giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa; Thông tư số 03/2021/TT-BVHTTDL ngày 01/6/2021 bổ sung một số điều của các Thông tư quy định quy trình giám định tư pháp trong lĩnh vực văn hóa; Thông tư số 01/2021/TT-BCT ngày 31/3/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 30/2016/TT-BCT ngày 13/12/2016 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực công thương; Thông tư số 33/2021/TT-BCA ngày 29/3/2021 ban hành 34 quy trình giám định kỹ thuật hình sự; Thông tư số 14/2020/TT-NHNN ngày 16/11/2020 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng; Thông tư số 23/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 ban hành Quy trình giám định pháp y tâm thần và biểu mẫu sử dụng trong giám định pháp y tâm thần; Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

hành vi tham nhũng xảy ra trong doanh nghiệp ngoài Nhà nước; về xử lý đối với các vụ án đánh bạc trên không gian mạng, xác định số tiền và truy thu số tiền đánh bạc qua mạng,... (Vụ 7, VC3, VKSND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Đà Nẵng, Hải Phòng, Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên, Quảng Ninh, Hải Dương, Hưng Yên, Hà Nam, Ninh Bình, Thanh Hóa, Thừa Thiên - Huế, Hà Tĩnh, Khánh Hòa, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Tây Ninh, Vĩnh Long, Đồng Tháp, Kiên Giang, Đắk Lắk)

Trả lời:

- Việc đề nghị **liên ngành** có văn bản hướng dẫn áp dụng các án lệ và các vướng mắc về pháp luật nội dung trong lĩnh vực hình sự là không hợp lý, vì thẩm quyền hướng dẫn này thuộc Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao.

- Hiện TAND tối cao đang xây dựng dự thảo Nghị quyết hướng dẫn áp dụng một số quy định của BLHS về các tội phạm ma túy, trong đó sẽ giải quyết các vướng mắc nêu trên.

- Về việc áp dụng pháp luật giữa tội Hiếp dâm người dưới 16 tuổi với Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, đề nghị VKS địa phương tham khảo thêm hướng dẫn tại Nghị quyết số 06/2019/NQ-HĐTP ngày 01/10/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại các điều 141, 142, 143, 144, 145, 146, 147 của BLHS và việc xét xử vụ án xâm hại tình dục người dưới 18 tuổi.

- Đối với nội dung đề nghị hướng dẫn về hành vi tham ô, đưa hoặc nhận hối lộ xảy ra trong các tổ chức, doanh nghiệp tư nhân: VKSND tối cao đã có Công văn số 4115/VKSTC-V14 ngày 28/9/2023 gửi TAND tối cao đề nghị hướng dẫn xử lý đối với các tội phạm tham nhũng trong các doanh nghiệp, tổ chức ngoài nhà nước. Ngày 03/10/2023, TAND tối cao cũng đã có Công văn số 196/TANDTC-PC thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc trong công tác xét xử, trong đó, có giải đáp về nội dung này, đề nghị nghiên cứu, tham khảo.

- Đối với hướng dẫn về quy trình, thủ tục quản lý, xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ, hiện nay Bộ Công an đã thực hiện tổng kết về quản lý, xử lý vật chứng, đồ vật, tài sản tạm giữ đề đề xuất hướng giải quyết.

- Đối với những khó khăn trong quá trình giải quyết các vụ án đánh bạc, tổ chức đánh bạc, TAND tối cao cũng đã tiến hành tổng kết để xây dựng dự thảo Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn (ngành KSND đã có văn bản tổng kết gửi TAND tối cao).

2.4. Quá trình giải quyết vụ án, vụ việc liên quan đến tội phạm “Rửa tiền”, còn gặp khó khăn trong hướng dẫn pháp luật. Cụ thể, tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 324 của BLHS về tội Rửa tiền, khi hướng dẫn xử lý hành vi “Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 324 của BLHS”, nhưng tại điểm d khoản 2 Điều 4 của Nghị quyết này lại quy định “Các hành vi khác không liên quan đến tài chính, ngân hàng” nên các cơ quan tiến hành tố tụng tại địa phương còn có nhận thức chưa thống nhất trong áp dụng pháp luật (VKSND tỉnh An Giang)

Trả lời:

Điểm a khoản 1 Điều 324 BLHS quy định “*Tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào giao dịch tài chính, ngân hàng hoặc giao dịch khác...*”. Khoản 1 và khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn về hành vi tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào các giao dịch tài chính, ngân hàng và các giao dịch khác quy định tại điểm a khoản 1 Điều 324 BLHS; trong đó, điểm n khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP quy định về các hành vi khác trong giao dịch tài chính, ngân hàng theo quy định của pháp luật; còn điểm d khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP quy định về các hành vi khác không liên quan đến tài chính, ngân hàng. Đây là 02 quy định khác nhau để hướng dẫn đầy đủ, rõ ràng các trường hợp và không có sự mâu thuẫn.

3. Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất Vụ 14 trả lời

3.1. Vướng mắc trong việc thực hiện khoản 6 Điều 134 BLHS quy định xử lý đối với trường hợp “*Người nào chuẩn bị vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm, a-xít nguy hiểm, hóa chất nguy hiểm hoặc thành lập hoặc tham gia nhóm tội phạm nhằm gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác...*” vì trên thực tế những hành vi này thường được các cơ quan tố tụng xem xét, xử lý về tội Gây rối trật tự công cộng.

Tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS quy định khởi tố khi có yêu cầu của bị hại đối với khoản 1 Điều 134 mà không quy định đối với khoản 6 Điều 134 BLHS. Trong khi đó tính chất mức độ nguy hiểm của khoản 6 Điều 134 BLHS không bằng khoản 1 Điều 134 BLHS vì chưa có đối tượng bị tác động, ảnh hưởng. Bị hại không yêu cầu khởi tố liệu cơ quan tố tụng có đủ căn cứ khởi tố theo khoản 6 Điều 134 BLHS hay không? Nếu cơ quan tố tụng khởi tố theo khoản 6 Điều 134 BLHS mà không có yêu cầu của bị hại sẽ dễ dẫn đến việc áp dụng tùy nghi hoặc nhầm lẫn với tội “*Gây rối trật tự công cộng*” (VKSND tỉnh Thanh Hóa)

Trả lời:

- Khoản 6 Điều 134 BLHS là để xử lý ngăn chặn sớm đối với các hành vi **chuẩn bị** phạm tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác, tức là chưa có bị hại và chưa có hậu quả xảy ra nhưng không thể lường trước được mức độ nguy hiểm sẽ xảy ra như thế nào nếu không được ngăn chặn, phòng ngừa sớm, do vậy, không thể áp dụng theo trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại theo quy định tại Điều 155 BLTTHS.

- Để xử lý tội phạm theo quy định tại khoản 6 Điều 134 và Điều 318 BLHS, thì tùy từng trường hợp cụ thể, cơ quan tiến hành tố tụng phải thu thập, đánh giá, chứng minh đầy đủ các yếu tố cấu thành tội phạm, bảo đảm xác định đúng bản chất sự việc và xử lý nghiêm hành vi và người phạm tội để bảo đảm tính răn đe, phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm.

3.2. Khó khăn trong việc áp một số quy định pháp luật và án lệ về hình sự: (1) Về thời hạn điều tra sau khi tách vụ án hình sự, như chưa thống nhất quan điểm: Thứ nhất, thời hạn điều tra của vụ án sau khi được tách ra sẽ được tính theo thời hạn điều tra của vụ án đã khởi tố trước đó theo quy định tại Điều 172 BLTTHS; Thứ hai, thời hạn điều tra của vụ án sau khi được tách ra sẽ được tính như một vụ án mới được khởi tố theo thời hạn điều tra được

quy định tại Điều 172 BLTTHS); (2) Về thời hạn bổ sung chứng cứ, như: thời hạn bổ sung chứng cứ để xem xét phê chuẩn khởi tố bị can: Tại đoạn 2 khoản 3 Điều 179 BLTTHS chỉ quy định “trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được tài liệu, chứng cứ bổ sung” mà không có quy định thời hạn bổ sung chứng cứ theo yêu cầu của VKS khi xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can; (3) Trong việc số hóa hồ sơ, như: Thời điểm số hóa hồ sơ chưa có sự thống nhất như số hóa hồ sơ án hình sự bắt đầu từ thời điểm nào là thích hợp để hồ sơ số hóa được đánh bót lục một cách đầy đủ theo trình tự của hồ sơ vụ án,... (VKSND các tỉnh: Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Hà Tĩnh, Thừa Thiên - Huế, Quảng Nam, Khánh Hòa, Tây Ninh)

Trả lời:

(1) Thời hạn điều tra của vụ án sau khi được tách ra sẽ được tính theo thời hạn điều tra quy định tại Điều 172 BLTTHS kể từ khi khởi tố vụ án cũ. Trường hợp tách vụ án hình sự để điều tra theo quy định tại Điều 170 BLTTHS, thì thời hạn điều tra của vụ án sẽ là thời hạn điều tra theo tội danh bị tách ra tính từ khi khởi tố vụ án hình sự cũ.

(2) Quy định tại đoạn 2 khoản 3 Điều 179 BLTTHS nhằm tạo thuận lợi cho các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình bổ sung tài liệu, chứng cứ. Khi trả lại để bổ sung là trả cả hồ sơ vụ án nên không cần quy định thời hạn (miễn là trong thời hạn khởi tố, điều tra vụ án hình sự).

(3) Pháp luật tố tụng hình sự không quy định về thời điểm số hóa hồ sơ. Đối với các hướng dẫn về trình tự, thủ tục số hóa hồ sơ trong ngành KSND, đề nghị VKS địa phương trao đổi thêm với Cục 2 VKSND tối cao.

VKS địa phương có thể tham khảo quy định về lập, quản lý, sử dụng hồ sơ kiểm sát bản điện tử tại Quy định về lập, quản lý, sử dụng hồ sơ kiểm sát việc giải quyết các vụ việc dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong ngành KSND (Ban hành kèm theo Quyết định số 264/QĐ-VKSTC ngày 05/10/2022 của Viện trưởng VKSND tối cao).

3.3. Công tác giám định chậm, ảnh hưởng đến thời hạn giải quyết vụ án (Cục 1; VKSND các tỉnh, thành phố: Hải Phòng, Điện Biên, Phú Thọ, Hòa Bình, Hải Dương, Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắk Lắk, Kon Tum, Bà Rịa - Vũng Tàu, An Giang, Cà Mau)

Trả lời:

- Điều 26a Luật Giám định tư pháp quy định thời hạn giám định tư pháp trong trường hợp trung cầu giám định³. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy việc giám

³ 1. Thời hạn giám định tư pháp được tính từ ngày cá nhân, tổ chức được trung cầu giám định nhận được quyết định trung cầu giám định và kèm theo đầy đủ hồ sơ, đối tượng giám định, thông tin, tài liệu, đồ vật, mẫu vật cần thiết cho việc giám định.

Trong quá trình thực hiện giám định, trường hợp cần phải bổ sung thêm hồ sơ, tài liệu làm cơ sở cho việc giám định thì cá nhân, tổ chức được trung cầu có văn bản đề nghị người đã trung cầu giám định bổ sung hồ sơ, tài liệu. Thời gian từ khi cá nhân, tổ chức được trung cầu giám định có văn bản đề nghị đến khi nhận được hồ sơ, tài liệu bổ sung không tính vào thời hạn giám định.

2. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định tư pháp được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

3. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp không thuộc quy định tại khoản 2 Điều này tối đa là 03 tháng. Trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn thì thời hạn giám định tối đa là 04 tháng.

định, nhất là trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đất đai... vẫn thường bị kéo dài. Đây là khó khăn chung trong thực tiễn công tác giải quyết các vụ án, vụ việc nói chung, vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế nói riêng.

- Để khắc phục khó khăn này, VKS cần chủ động phối hợp với Cơ quan điều tra thường xuyên đôn đốc, trao đổi với tổ chức, người giám định để nắm bắt tiến độ, thời hạn, những khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình giám định để có biện pháp tháo gỡ, kịp thời đẩy nhanh tiến độ giám định. Trường hợp tổ chức, người giám định không kết luận theo yêu cầu hoặc dùn dầy, né tránh, từ chối ra kết luận thì VKS thực hiện quyền yêu cầu ra kết luận, giải thích kết luận hoặc yêu cầu bổ sung kết luận rõ về nội dung giám định; kiến nghị cơ quan có thẩm quyền yêu cầu tổ chức, người giám định thực hiện đúng quy định của BLTTHS và Luật Giám định tư pháp. Nếu có dấu hiệu cố ý vi phạm, cản trở các hoạt động tố tụng thì kiến nghị cơ quan có thẩm quyền có biện pháp xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

4. Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất còn chưa rõ

4.1. Việc áp dụng pháp luật trong định tội danh liên quan đến tội Làm giả, sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức còn nhiều vướng mắc do có quan điểm xử lý khác nhau, chưa thống nhất, mặc dù đã có văn bản hướng dẫn nhưng chưa cụ thể, dẫn đến khó khăn trong xử lý tội phạm thực hiện chuỗi hành vi làm giả tài liệu của cơ quan tổ chức và sử dụng tài liệu này để lừa đảo chiếm đoạt tài sản. Mặt khác, liên ngành Trung ương cũng chưa thống nhất hướng dẫn cụ thể về một số hành vi, như: Hành vi làm giả tài liệu cơ quan, tổ chức; sử dụng tài liệu giả thực hiện hành vi trái pháp luật; còn vướng mắc trong giải quyết hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, thiệt hại về tài sản cần định giá để xác định khẩu hao tài sản.

Trả lời:

Đã giải đáp tại *Mục 15 Công văn số 4962/VKSTC-V14 ngày 15/11/2023* của VKSND tối cao.

Hiện VKSND tối cao đang tiến hành khảo sát, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc khi giải quyết các vụ án về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; tội Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức (theo Kế hoạch số 65/KH-VKSTC ngày 30/3/2023). Do vậy, đề nghị địa phương nêu rõ và phản ánh nội dung khó khăn, vướng mắc cụ thể liên quan đến việc xử lý tội phạm này tới Vụ 2 để giải quyết theo đúng chức trách, nhiệm vụ.

4.2. Đề nghị VKSND tối cao phối hợp liên ngành tư pháp Trung ương ban hành các văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất những quy định còn bất cập (Vụ 2, Vụ 7, VC1, VKSND các tỉnh, thành phố: Hà Nội, Thành phố Hồ

Bộ, cơ quan ngang bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ vào thời hạn giám định tối đa và tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định quy định thời hạn giám định tư pháp cho từng loại việc cụ thể. Thời hạn giám định tư pháp có thể được gia hạn theo quyết định của cơ quan trung cầu giám định nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

4. Người trung cầu giám định có thể thống nhất về thời hạn giám định với cá nhân, tổ chức được trung cầu giám định trước khi trung cầu giám định tư pháp nhưng không được vượt quá thời hạn quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Trường hợp có vấn đề phát sinh hoặc có cơ sở cho rằng vụ việc giám định không thể hoàn thành đúng thời hạn thì cá nhân, tổ chức thực hiện giám định phải kịp thời thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do cho người trung cầu giám định và thời gian dự kiến hoàn thành, ra kết luận giám định.

Chi Minh, Hải Phòng, Yên Bái, Lạng Sơn, Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Hà Nam, Hải Dương, Thanh Hóa, Bình Định, Kon Tum, Đồng Nai, Đồng Tháp, Bến Tre, An Giang, Kiên Giang,...)

Trả lời:

- Việc ban hành các văn bản hướng dẫn các vương mắc về pháp luật nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao, không thuộc thẩm quyền hướng dẫn của liên ngành.

- Đối với những khó khăn, vương mắc liên quan đến việc phối hợp giữa các cơ quan trong việc thực hiện trình tự, thủ tục tố tụng: đề nghị VKS địa phương phản ánh các khó khăn, vương mắc cụ thể để VKSND tối cao và các bộ, ngành có liên quan tổng hợp, nghiên cứu, phối hợp hướng dẫn.

4.3. Đề nghị VKSND tối cao phối hợp liên ngành tư pháp Trung ương ban hành văn bản giải đáp, hướng dẫn áp dụng pháp luật, tổ chức hội nghị tập huấn, thông báo rút kinh nghiệm nghiệp vụ, tổng hợp theo từng dạng vi phạm (Vụ 2, Vụ 7, VKSND các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Điện Biên, Đắk Nông, Sóc Trăng)

Trả lời:

Đề nghị các VKS địa phương đề xuất cụ thể về các nội dung cần tổ chức hội nghị tập huấn; các khó khăn, vương mắc cần giải đáp, hướng dẫn... để VKSND tối cao tập hợp, phối hợp với liên ngành có kế hoạch, chuẩn bị nội dung, hình thức tổ chức tập huấn, giải đáp, hướng dẫn... cho VKS địa phương bảo đảm hiệu quả, thiết thực, tiết kiệm.

II. KHÓ KHĂN, VƯƠNG MẮC, KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT LIÊN QUAN ĐẾN DÂN SỰ, TỐ TỤNG DÂN SỰ VÀ CÁC LĨNH VỰC KHÁC

1. Những khó khăn, vương mắc, kiến nghị, đề xuất Vụ 14 ghi nhận để tổng hợp, nghiên cứu, tham mưu Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét sửa đổi hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền trong việc xây dựng, sửa đổi các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan (Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Luật Tổ chức VKSND)

1.1. Khoản 1, 2 Điều 161 BLTTDS quy định về nghĩa vụ chịu chi phí giám định "... 1. Người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định phải chịu chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người đó là không có căn cứ... 2. Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ ...". Trong thực tiễn giải quyết vụ án "Tranh chấp xác định cha cho con" đã xảy ra trường hợp nguyên đơn (người mẹ) có yêu cầu Tòa án giám định; bị đơn (bố đẻ nhưng không phải là chồng hợp pháp của nguyên đơn) chấp nhận yêu cầu giám định của nguyên đơn; nhưng vụ án phải đưa ra xét xử vì người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bố trên giấy khai sinh và là chồng hợp pháp của người mẹ) vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án; như vậy thì ai sẽ là người phải chịu chi phí giám định này? Nếu như bị đơn phải chịu toàn bộ chi phí giám định thì quyền lợi của bị đơn có được đảm bảo không trong khi bị đơn đã chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và việc đưa vụ án ra

xét xử là do sự vắng mặt của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan?
(VKSND thành phố Hải Phòng)

Trả lời:

Trong tình huống này đưa ra cần chia hai trường hợp:

- Trường hợp 1: Nếu kết quả giám định xác định bị đơn không phải là cha đẻ của con nguyên đơn thì theo quy định tại khoản 1 Điều 161 BLTTDS thì nguyên đơn (tức người mẹ) phải chịu chi phí giám định.

- Trường hợp 2: Nếu kết quả giám định xác định bị đơn là cha đẻ của con nguyên đơn thì tại khoản 2 Điều 161 BLTTDS có quy định: “2. **Người không chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của đương sự khác trong vụ án phải nộp chi phí giám định, nếu kết quả giám định chứng minh yêu cầu của người yêu cầu trưng cầu giám định là có căn cứ ...**”. Tuy nhiên, theo tình huống đưa ra thì bị đơn (người cha) **chấp nhận yêu cầu trưng cầu giám định của nguyên đơn**, trong trường hợp này pháp luật chưa quy định rõ người phải chịu chi phí giám định.

Vụ 14 ghi nhận đây là khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn thi hành và sẽ tham mưu Lãnh đạo Viện đề kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền hướng dẫn rõ về trường hợp nêu trên.

1.2. Đề nghị VKSND tối cao phối hợp với liên ngành Trung ương nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm tạo điều kiện thực hiện tốt chức năng của VKS trong quá trình giải quyết vụ án, vụ việc dân sự, hành chính, như: Quy định VKS trực tiếp xác minh, thu thập tài liệu, chứng cứ trong trường hợp đã yêu cầu nhưng Tòa án không thực hiện; trước khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết, định kỳ hàng tháng Tòa án phải chuyển tài liệu, hồ sơ thu thập bổ sung đến VKS; Thời hạn gửi bài phát biểu sau khi kết thúc phiên tòa,... (VKSND các tỉnh, thành phố: Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Bình, Kon Tum, Đồng Nai, Bình Thuận, Tiền Giang)

Trả lời:

Hiện nay, TAND tối cao đang chủ trì việc tổng kết việc thi hành BLTTDS và Luật Tố tụng hành chính năm 2015. Theo đề nghị của TAND tối cao, VKSND tối cao đã xây dựng Báo cáo tổng kết việc thi hành BLTTDS và Luật Tố tụng hành chính trong ngành KSND, trong đó đã ghi nhận các đề xuất của VKSND các cấp về đề nghị nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số quy định nhằm tạo điều kiện thực hiện tốt chức năng của VKS trong quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ việc dân sự, vụ án hành chính, trong đó có các vấn đề như địa phương nêu.

2.3. Đề nghị sửa đổi, bổ sung một số quy định của Luật Tổ chức VKSND (Thanh tra VKSND tối cao)

Trả lời:

Vụ 14 đã tham mưu Lãnh đạo VKSND ban hành Kế hoạch số 105/KH-VKSTC ngày 15/5/2023 về sơ kết thực tiễn 08 năm thi hành và rà soát quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2014, trong đó có nội dung rà soát các quy định của Luật Tổ chức VKSND năm 2014, các ý kiến đề xuất sửa đổi, bổ sung Luật, Vụ 14 sẽ ghi nhận, tổng hợp và báo cáo Ban cán sự đảng, Lãnh đạo VKSND tối cao xem xét, chỉ đạo, định hướng cụ thể về việc sửa đổi, bổ sung Luật Tổ chức VKSND năm 2014.

2. Những khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất Vụ 14 trả lời

2.1. Khi Tòa án đã ban hành Quyết định đưa vụ án ra xét xử, trong khoảng thời gian từ khi ban hành quyết định xét xử đến ngày xét xử, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau. Đến ngày xét xử, trước khi mở phiên tòa, đương sự giao nộp văn bản công nhận sự thỏa thuận cho Tòa án. Như vậy, trong trường hợp này thì án phí được tính như thế nào (100% hay 50%)? (VKSND thành phố Hải Phòng)

Trả lời:

- Khoản 7 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định: “Các bên đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án trong trường hợp Tòa án tiến hành hòa giải **trước khi mở phiên tòa thì phải chịu 50% mức án phí, kể cả đối với các vụ án không có giá ngạch.**”.

- Mục 3 Công văn số 64/ TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của TAND tối cao có giải thích: “**Vậy đến ngày mở phiên tòa đã được coi là “tại phiên tòa” hay chưa? Mục 2 Chương XIV BLTTDS quy định về thủ tục bắt đầu phiên tòa. Theo quy định tại Mục này thì phiên tòa bắt đầu bằng thủ tục “Khai mạc phiên tòa” (Điều 239). Do đó, đến ngày mở phiên tòa (được triệu tập) nhưng chưa khai mạc phiên tòa thì chưa coi là “bắt đầu phiên tòa”, chưa coi là “tại phiên tòa”...**”. Căn cứ các quy định và giải thích nêu trên thì trường hợp đến ngày mở phiên tòa (được triệu tập) nhưng chưa khai mạc phiên tòa mà đương sự giao nộp văn bản công nhận sự thỏa thuận cho Tòa án thì phải chịu 50% mức án phí kể cả đối với các vụ án không có giá ngạch.

2.2. Khoản 6 Điều 40 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án quy định: “**Việc hòa giải, đối thoại chấm dứt khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: ... 6. Người nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện; đơn yêu cầu**” và Khoản 2 Điều 41 “**Xử lý việc chấm dứt hòa giải, đối thoại tại Tòa án ... 2. Trường hợp người nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện, đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật này thì Hòa giải viên chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án đã nhận đơn để tiến hành xem xét, giải quyết theo quy định chung và thông báo cho các bên biết ...**”. Như vậy, qua thực tế khi người yêu cầu rút đơn, Tòa án đã ra quyết định đình chỉ công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án. Việc ra quyết định đình chỉ như vậy là đã hợp lý chưa? Khi chưa có việc hòa giải thì việc đình chỉ công nhận kết quả hòa giải là có đúng không? Quyết định này có phải chuyển VKS để tiến hành kiểm sát không khi Luật Hòa giải đối thoại tại Tòa án không quy định rõ về điều này? (VKSND thành phố Hải Phòng)

Trả lời:

Khoản 2 Điều 41 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án về “Xử lý việc chấm dứt hòa giải, đối thoại tại Tòa án quy định “... 2. Trường hợp người nộp đơn khởi kiện, đơn yêu cầu rút đơn khởi kiện, đơn yêu cầu theo quy định tại khoản 6 Điều 40 của Luật này thì Hòa giải viên chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án đã nhận đơn để tiến hành xem xét, giải quyết theo quy định chung và thông báo cho các bên biết ...”.

Căn cứ quy định nêu trên, khi người yêu cầu rút đơn thì Hòa giải viên chuyển đơn và tài liệu kèm theo cho Tòa án đã nhận đơn để tiến hành xem xét,

giải quyết theo quy định chung mà không phải ra quyết định đình chỉ công nhận kết quả hòa giải.

2.3. Theo quy định tại khoản 2 Điều 71 BLDS quy định “Căn cứ vào các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này Tòa án xác định ngày chết của người bị tuyên bố là đã chết”. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều quan điểm khác nhau trong việc xác định ngày chết, cụ thể như sau:

+ **Quan điểm thứ nhất:** Xác định ngày chết là ngày cuối cùng theo thời hạn được quy định tại các điểm a, b, c, d quy định tại khoản 1 Điều 71 BLDS.

+ **Quan điểm thứ hai:** Xác định ngày chết là ngày xảy ra sự việc. Ví dụ như: ngày chết là ngày mà người bị tuyên bố là đã chết bị tai nạn hoặc thảm họa, thiên tai; hoặc là ngày mà Tòa án tuyên bố người đó mất tích mà 3 năm sau vẫn không có tin tức xác thực là còn sống...

+ **Quan điểm thứ ba:** Xác định ngày chết là ngày tiếp theo liền kề ngày xảy ra sự việc theo quy định tại khoản 2 Điều 147 BLDS (*VKSND các tỉnh: Phú Thọ, Quảng Ngãi*)

Trả lời:

Nội dung này đã được VKSND tối cao giải đáp tại **Mục 15 Công văn số 2964/VKSTC-V14 ngày 19/7/2018** của VKSND tối cao, cụ thể:

“15. Xác định ngày chết của người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết theo Điều 71 BLDS 2015 như thế nào?”

Trả lời:

Việc Tòa án xác định ngày chết của một người khi có yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết theo Điều 71 BLDS 2015 là xác định “ngày chết về pháp lý”, chứ không phải là “ngày chết thực tế”.

Khoản 1 Điều 71 BLDS 2015 quy định các trường hợp người có quyền, lợi ích liên quan có thể yêu cầu Tòa án ra quyết định tuyên bố một người là đã chết, có nghĩa là nếu yêu cầu đáp ứng đủ các điều kiện của một trong các trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 71 thì Tòa án phải thụ lý đơn yêu cầu.

Khoản 2 Điều 71 BLDS 2015 quy định: “Căn cứ vào các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, Tòa án xác định ngày chết của người bị tuyên bố là đã chết”. Như vậy, ngày chết của người bị yêu cầu tuyên bố là đã chết được xác định là ngày đầu tiên kế tiếp ngày kết thúc thời hạn của từng trường hợp nêu tại khoản 1 Điều 71 (cụ thể là: ngày kết thúc thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án có hiệu lực pháp luật (điểm a); ngày kết thúc thời hạn 05 năm, kể từ ngày chiến tranh kết thúc (điểm b); ngày kết thúc thời hạn 02 năm, kể từ ngày tai nạn hoặc thảm họa, thiên tai chấm dứt (điểm c); ngày kết thúc thời hạn 05 năm liền biệt tích (điểm d)). Đối với thời hạn tính bằng năm thì xác định thời điểm kết thúc thời hạn theo các khoản 4, 5 và 6 Điều 148 BLDS.

2.4. Luật Tổ chức VKSND chưa có quy định về công tác thanh tra (Thanh tra VKSND tối cao)

Trả lời:

Điều 6 Luật Tổ chức VKSND năm 2014 quy định về các công tác của VKSND, bao gồm: (1) Các công tác thực hiện chức năng thực hành quyền công tố; (2) Các công tác thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động tư pháp; (3) Các công tác khác. Trong đó, thanh tra thuộc lĩnh vực các công tác khác. Tuy nhiên,

khoản 3 Điều 6 không thể liệt kê cụ thể hết các công tác khác của VKSND, nên thanh tra là công tác được ghi nhận trong quy định mang tính bao quát tại điểm b “các công tác khác để xây dựng VKSND”.

Trên đây là giải đáp khó khăn, vướng mắc, kiến nghị, đề xuất của các đơn vị, VKS các cấp trong năm 2023 thuộc trách nhiệm của Vụ 14, kính gửi các đơn vị, VKS các cấp./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Đ/c Viện trưởng VKSTC (để báo cáo);
- Các đ/c PVT VKSTC (để báo cáo);
- Lưu: VT, V14.

TL. VIỆN TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ PHÁP CHẾ VÀ QUẢN LÝ KHOA HỌC



Hoàng Thị Quỳnh Chi